ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ THANH AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2004/QĐ-UBND	*Thanh An, ngày 31 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án: Nâng cấp Bê tông nhựa nóng đường Thanh An 14; 15; 17 ấp Bến Tranh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 06 năm 2026 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 06 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 06 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 06 năm 2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-BXD ngày 26 tháng 06 năm 2026 của Bộ Xây dựng công bố hướng dẫn xác định khối lượng công trình và Văn bản hợp nhất số 37/VBHN-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29 tháng 06 năm 2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD và Thông tư số 38/2026/TT-BXD;

Căn cứ Công văn số 71/CV-PKT ngày 31 tháng 8 năm 2026 của Phòng Kinh tế xã về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Nâng cấp Bê tông nhựa nóng đường Thanh An 14; 15; 17 ấp Bến Tranh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 415/TTr-PKT ngày 31 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Nâng cấp Bê tông nhựa nóng đường Thanh An 14; 15; 17 ấp Bến Tranh; với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp Bê tông nhựa nóng đường Thanh An 14; 15; 17 ấp Bến Tranh.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: nhóm C

- Loại công trình: Công trình dân dụng (đường bộ)

- Cấp công trình chính: cấp IV

- Thời hạn sử dụng của công trình chính: Khoảng trên 10 năm kể từ thời điểm bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

3. Mã định danh: 7926417247200

4. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình; diện tích sử dụng đất của dự án:

- Địa điểm xây dựng: Xã Thanh An, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình:

+ Tuyến Thanh An 14: Điểm đầu giao với đường ĐT.744, điểm cuối giáp bờ đập Cần Nôm.

+ Tuyến Thanh An 15: Điểm đầu giao với đường ĐT.744, điểm cuối giao với đường bê tông bờ đập Cần Nôm.

+ Tuyến Thanh An 17: Điểm đầu giao với đường ĐT.744, điểm cuối giao với đường Thanh An 32.

- Diện tích đất sử dụng khoảng 60.079 m².

- Diện tích giải phóng mặt bằng khoảng 21.318 m².

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thanh An.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng xã Thanh An.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn và Thiết kế Xây dựng Tín Gia Phát. Mã số doanh nghiệp: 3702205966

8. Mục tiêu dự án: Nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn hiện

hữu bằng bê tông nhựa nóng; cải thiện điều kiện giao thông, tăng khả năng kết nối giữa khu dân cư, các tuyến đường và khu vực sản xuất; hoàn thiện thoát nước, gờ chặn và an toàn giao thông, góp phần nâng cao khả năng khai thác và bảo đảm an toàn giao thông.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Quy mô: Tổng chiều dài tuyến là: 7.752,15 m.

Trong đó:

- Tuyến Thanh An 14: dài 2.313,0m. Điểm đầu giao với đường ĐT.744, điểm cuối giáp bờ đập Cần Nôm.

- Tuyến Thanh An 15: dài 2.507,0m. Điểm đầu giao với đường ĐT.744, điểm cuối giao với đường bê tông bờ đập Cần Nôm.

- Tuyến Thanh An 17: dài 2.932,15m. Điểm đầu giao với đường ĐT.744, điểm cuối giao với đường Thanh An 32.

- Bề rộng mặt đường: 5,0 m

- Chiều rộng gờ chặn bê tông: 0,25 m x 2 = 0,5 m

- Chiều rộng lề đường: 1,5 m (phía bên giáp mương)

- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa nóng

9.2. Giải pháp kỹ thuật:

9.2.1. Bình đồ tuyến:

- Tuyến chủ yếu bám theo đường hiện hữu, khống chế điểm đầu tuyến và cuối tuyến.

- Tại các vị trí giao nhau bố trí bán kính mở rộng phù hợp đảm bảo an toàn.

9.2.2. Trắc dọc thiết kế:

- Trắc dọc chủ yếu bám theo cao độ tim đường hiện hữu. Những điểm khống chế như điểm đầu, nâng cao đảm bảo bề dày kết cấu. Tuy nhiên để đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của cấp đường cũng như độ êm thuận của xe khi tham gia lưu thông, trắc dọc tuyến đắp nâng cao ở một số đoạn.

- Phù hợp với cao độ địa hình tự nhiên, cao độ nền sân, nền nhà dân hai bên tuyến, hạn chế đào sâu, đắp cao gây ảnh hưởng đến nhà dân hai bên.

- Tuân thủ các quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn về các yếu tố thiết kế trắc dọc như: Độ dốc dọc tối đa, độ dốc dọc tối thiểu, chiều dài đoạn đổi dốc, bán kính đường cong đứng,…

- Cao độ thiết kế trên trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện.

9.2.3. Trắc ngang thiết kế:

- Bề rộng mặt đường: 5,0 m

- Chiều rộng gờ chặn bê tông: 0,25 m x 2 = 0,5 m

- Độ dốc ngang mặt đường: 2%.

9.2.4. Kết cấu nền, mặt đường (từ trên xuống):

a) Thanh An 14

- Đối với phần mặt đường hiện hữu là đường BTNN

+ Bê tông nhựa chặt (BTNC 12,5) dày 6cm, lu lèn đạt K>0,98, E>125Mpa.

+ Tưới nhũ tương gốc axit, tiêu chuẩn 0,5Kg/m2.

+ Bù vênh mặt đường bằng BTNC 12,5 dày trung bình 3cm, K>0,98.

+ Tưới nhũ tương gốc axit, tiêu chuẩn 0,8Kg/m2.

- Đối với phần mặt đường hiện hữu là đường sỏi đỏ và vị trí vuốt nối:

+ Bê tông nhựa chặt (BTNC 12,5) dày 6cm, K>0,98, E>125Mpa.

+ Tưới nhũ tương gốc axit, tiêu chuẩn 1,0Kg/m2.

+ Lớp móng cấp phối đá dăm dày 20cm, K>0,98, E>110Mpa.

+ Bù vênh đắp đất (tận dụng đất đào chuyển sang đắp có chọn lọc).

- Đối với phần mặt đường mở rộng và phần hiện hữu chưa có đường:

+ Bê tông nhựa chặt (BTNC 12,5) dày 6cm, K>0,98, E>125Mpa.

+ Tưới nhũ tương gốc axit, tiêu chuẩn 1,0Kg/m2.

+ Lớp móng cấp phối đá dăm, dày 20cm, K>0,98, E>110Mpa.

+ Lớp móng bằng đất cấp 3 (sỏi đỏ), dày 20cm, K>0,98, E>85Mpa.

+ Bù vênh đắp đất (tận dụng đất đào chuyển sang đắp có chọn lọc).

b) Thanh An 15

- Đối với phần mặt đường hiện hữu là đường sỏi đỏ và vị trí vuốt nối:

+ Bê tông nhựa chặt (BTNC 12,5) dày 6cm, K>0,98, E>125Mpa.

+ Tưới nhũ tương gốc axit, tiêu chuẩn 1,0Kg/m2.

+ Lớp móng cấp phối đá dăm dày 20cm, K>0,98, E>110Mpa.

+ Bù vênh đắp đất (tận dụng đất đào chuyển sang đắp có chọn lọc).

- Đối với phần mặt đường mở rộng và phần hiện hữu chưa có đường:

+ Bê tông nhựa chặt (BTNC 12,5) dày 6cm, K>0,98, E>125Mpa.

+ Tưới nhũ tương gốc axit, tiêu chuẩn 1,0Kg/m2.

+ Lớp móng cấp phối đá dăm, dày 20cm, K>0,98, E>110Mpa.

+ Lớp móng bằng đất cấp 3 (sỏi đỏ), dày 20cm, K>0,98, E>85Mpa.

+ Bù vênh đắp đất (tận dụng đất đào chuyển sang đắp có chọn lọc).

c) Thanh An 17

- Đối với phần mặt đường hiện hữu là đường BTXM

+ Bê tông nhựa chặt (BTNC 12,5) dày 6cm, lu lèn đạt K>0,98, E>125Mpa.

+ Tưới nhũ tương gốc axit, tiêu chuẩn 0,8Kg/m2.

+ Bù vênh mặt đường bằng BTNC 12,5 dày trung bình 3cm, K>0,98.

+ Tưới nhũ tương gốc axit, tiêu chuẩn 1,0Kg/m2.

- Đối với phần mặt đường hiện hữu là đường sỏi đỏ và vị trí vuốt nối:

+ Bê tông nhựa chặt (BTNC 12,5) dày 6cm, K>0,98, E>125Mpa.

+ Tưới nhũ tương gốc axit, tiêu chuẩn 1,0Kg/m2.

+ Lớp móng cấp phối đá dăm dày 20cm, K>0,98, E>110Mpa.

+ Bù vênh đắp đất (tận dụng đất đào chuyển sang đắp có chọn lọc).

- Đối với phần mặt đường mở rộng và phần hiện hữu chưa có đường:

+ Bê tông nhựa chặt (BTNC 12,5) dày 6cm, K>0,98, E>125Mpa.

+ Tưới nhũ tương gốc axit, tiêu chuẩn 1,0Kg/m2.

+ Lớp móng cấp phối đá dăm, dày 20cm, K>0,98, E>110Mpa.

+ Lớp móng bằng đất cấp 3 (sỏi đỏ), dày 20cm, K>0,98, E>85Mpa.

+ Bù vênh đắp đất (tận dụng đất đào chuyển sang đắp có chọn lọc).

9.2.5. Kết cấu lề đường:

Đắp đất lu lèn đạt K >0,95 (tận dụng đất đào chuyển sang đắp có chọn lọc).

9.2.6. Gờ chặn:

- Dọc mép mặt đường xây dựng gờ chặn bằng bê tông đá 1x2 M200 để bảo vệ kết cấu mặt đường.

- Gờ chặn có chiều rộng 25cm, chiều cao 30cm.

9.2.7. Hệ thống thoát nước:

a) Hệ thống thoát nước ngang:

- Tuyến Thanh An 14:

+ Tại Km0+554,2: cống hiện hữu BTCT D80cm L=26m, giữ nguyên;

+ Tại Km1+573,9: cống hiện hữu BTCT D80cm L=18m, gia cố hạ lưu;

- Tuyến Thanh An 15:

+ Tại Km0+554,01: cống hiện hữu BTCT D80cm L=26m, giữ nguyên;

+ Tại Km1+581,33: cống hiện hữu BTCT D80cm L=18m; nối dài cống, gia cố thượng lưu.

- Tuyến Thanh An 17:

+ Tại Km1+040,9: cống hiện hữu BTCT 80x80cm L=15,74m, giữ nguyên;

+ Tại Km2+297,16: cống hiện hữu BTCT 80x80cm L=20,77m, giữ nguyên;

+ Tại Km2+929,77: cống hiện hữu BTCT 60x60cm L=7m, nối dài cống;

b) Hệ thống thoát nước dọc:

Hệ thống thoát nước dọc: thoát nước theo địa hình tự nhiên.

9.2.8. Hệ thống an toàn giao thông:

- Bố trí biển báo tại các ngã ba, ngã tư, các điểm giao nhau với đường ưu tiên, vị trí qua đường, các vị trí cơ quan, các vị trí quay đầu xe, các đường cong nguy hiểm,… theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

- Bố trí vạch sơn tim đường, sơn mép vỉa hè, dải phân cách, vạch sơn người đi bộ qua đường,… bằng sơn phản quang.

- Tại một số giao lộ, đường cong nguy hiểm và gần các cơ quan, trường học,… được sơn gờ giảm tốc để đảm bảo an toàn cho xe lưu thông.

- Vị trí đường nhánh bố trí biển cấm rẽ trái để đảm bảo các phương tiện lưu thông đúng quy định và an toàn.

9.2.9. Cọc mốc giải phóng mặt bằng:

- Cọc mốc "GPMB" được bố trí dọc theo hai bên tuyến

- Theo phương dọc tuyến:

+ Trên những đoạn tuyến thẳng bố trí cọc mốc với khoảng cách là <50m.

+ Trên những đoạn đường cong bố trí cắm cọc mốc tại các điểm TĐ, TĐ' điểm phân P, TC', tiếp cuối TC.

+ Theo phương ngang đường:

+ Các vị trí cắm cọc giải phóng mặt bằng cách tim thiết kế ra bên phía nhà dân trung bình 4m, khoảng cách cọc cắm cụ thể lấy theo cọc trên bình đồ cọc GPMB.

+ Lý trình cắm cọc mốc "GPMB" xem chi tiết trên bản vẽ thiết kế.

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- Số bước thiết kế: 02 bước.
- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

STT	Tên quy trình	Mã hiệu
a	**Tiêu chuẩn áp dụng**	
1	Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu	TCCS41:2022/TCĐBVN
2	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
3	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới tọa độ do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành	QCVN 04:2009/BTNMT

4	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới độ cao do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành	QCVN 11:2008/BTNMT
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành	QCVN 47: 2012/BTNMT
6	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
7	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
8	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054 - 2005
9	Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế	TCVN 10380:2014
10	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
11	Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
12	Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế	TCCS 34: 2020/TCĐBVN
b	**Quy chuẩn áp dụng**	
1	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình giao thông	QCVN07-4:2023/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng	QCVN 10:2024/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia - Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2022/BXD
4	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41: 2024/BGTVT

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 46.304.638.992 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ, ba trăm lẻ bốn triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi hai đồng).*

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ : 2.654.946.200 đồng.
- Chi phí xây dựng : 37.611.342.575 đồng.

- Chi phí quản lý dự án : 896.857.553 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 4.027.916.539 đồng.
- Chi phí khác : 544.906.618 đồng.
- Chi phí dự phòng : 568.669.507 đồng.

12. Thời gian thực hiện dự án:

- Chuẩn bị đầu tư: Năm 2026

- Thực hiện dự án: Năm 2026 - 2028

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí vốn: Vốn ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh bổ sung có mục tiêu cho xã giai đoạn 2026 - 2030; việc bố trí vốn thực hiện theo kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao, phù hợp tiến độ thực hiện dự án.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Công trình được xây dựng theo hình thức Nhà nước và Nhân dân cùng làm; Nhà nước đầu tư phần xây dựng, người dân hiến đất và tự di dời vật kiến trúc, cây trồng trong phạm vi xây dựng để bàn giao mặt bằng thi công.

Trong dự án chỉ tính phần chi phí bồi thường đất đối với những đoạn nắn chỉnh tuyến cục bộ.

Sau khi Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt, ngoài thực địa sẽ cắm cọc mốc GPMB để đánh dấu phạm vi xây dựng, làm cơ sở thực hiện công tác vận động giải tỏa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Thanh An và các đơn vị tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về pháp lý, tính chính xác của số liệu khảo sát, tính toán thiết kế trong hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi và các nội dung trình thẩm định, phê duyệt dự án.

2. Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ, chặt chẽ và đúng quy định các công tác giám sát, đánh giá đầu tư; thực hiện Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng; quản lý đầu tư xây dựng, quản lý đấu thầu, quản lý chất lượng công trình, tiến độ, chi phí đầu tư, không để thất thoát lãng phí;

3. Tổng mức đầu tư được duyệt là cơ sở pháp lý để quản lý chi phí thực hiện dự án, không phải là giá trị thanh, quyết toán. Trong các bước triển khai tiếp theo, Chủ đầu tư tiếp tục rà soát số liệu liên quan; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán và quản lý chặt chẽ chi phí theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng xã và

Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (để b/c);
- CT, các PCT xã;
- Lưu: VT, pdf.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ THANH AN T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoài Bảo